

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Nam
- Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiên Thị Mạc K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Anh Kiên L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kiên Thị Mạc K trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Kiên L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Kiên L thường xuyên uống rượu

không lo làm ăn lo cho kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Kiên Thị Mạc K yêu cầu ly hôn anh Kiên L.

- Về nuôi con tên: Kiên Phúc A, sinh ngày 25/3/2013 hiện đang sống chung với anh Kiên L. Chị Mạc K đồng ý giao con chung cho anh Kiên L được tiếp tục nuôi con khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Kiên Thị Mạc K không tranh chấp, không khởi kiện.

- Đối với bị đơn anh Kiên L, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Kiên L không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Kiên L vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Kiên Thị Mạc K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Kiên L. Về con chung chị đồng ý để anh Kiên L tiếp tục nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn anh Kiên L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Mạc K và anh Kiên L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2018, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Mạc K được ly hôn với anh Kiên L. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu Kiên Phúc A sống chung với anh Kiên L và được anh chăm sóc chu đáo phát triển toàn diện về mọi mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Kiên L được quyền nuôi con chung là cháu Kiên Phúc A, sinh ngày 25/3/2013. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị Mạc K và anh Kiên L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm do chị Mạc K người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có làm đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho chị Kiên Thị Mạc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Kiên L là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Kiên L vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Kiên L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2012 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị Kiên Thị Mạc K thì chị và anh Kiên L do gia đình hai bên mai mối, sau đó tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 02/2012 cho đến năm 2018 vợ chồng sống ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị xin ly hôn với anh Kiên L. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời trình bày của chị Kiên Thị Mạc K cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Kiên L để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ lại với nhau nhưng anh Kiên L đều vắng mặt. Chứng tỏ anh Kiên L không có ý chí muốn đoàn tụ với chị Mạc K. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân thì chị Mạc K và anh Kiên L không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Mạc K xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Kiên Phúc A, sinh ngày 25/3/2013 hiện đang sống chung với anh Kiên L, chị Mạc K đồng ý để anh Kiên L tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy con chung của anh chị là cháu Kiên Phúc A, từ khi vợ chồng sống ly thân anh Kiên L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa anh Kiên L và con gắn bó hơn, mặc khác cháu A có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó việc giao con chung cho anh Kiên L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều

kiện cho cháu A có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho anh Kiên L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Mạc K và anh Kiên L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Mạc K và anh Kiên L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Kiên Thị Mạc K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng chị Mạc K thuộc diện người dân tộc thiểu số, sống ở ấp N, xã N là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có làm đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kiên Thị Mạc K được miễn toàn bộ tiền án phí.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Thị Mạc K.

1. Về hôn nhân: Cho chị Kiên Thị Mạc K được ly hôn với anh Kiên L.

2. Về nuôi con chung: Anh Kiên L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Kiên Phúc A, sinh ngày 25/3/2013 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Kiên Thị Mạc K và anh Kiên L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho chị Kiên Thị Mạc K.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Nhị Trường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh